

**TỜ TRÌNH**

***V/v Công bố Phòng khám đa khoa An Bình là cơ sở hướng dẫn thực hành***

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hà Nam

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ thông tư số 32/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ quyết định số 535/QĐ-SYT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Sở Y tế về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng khám đa khoa An Bình*

*Căn cứ giấy phép hoạt động số 00162/HNA-GPHĐ cấp ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Sở y tế Hà Nam về việc khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám đa khoa An Bình*

*Thực hiện công văn số 138/SYT-NVYD ngày 24/01/2024 của Sở y tế tỉnh Hà Nam về việc đôn đốc thực hiện Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP, Thông tư số 32/2023/TT-BYT.*

Căn cứ tình hình thực tế của Phòng khám về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và phạm vi hoạt động chuyên môn; Phòng khám đủ điều kiện là cơ sở thực hành theo các quy định của Luật khám chữa bệnh.

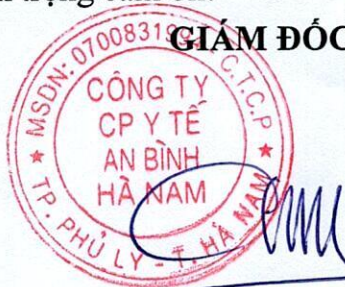
Phòng khám đa khoa An Bình trân trọng kính trình và đề nghị Sở y tế quan tâm xem xét và công bố Phòng khám đa khoa An Bình là cơ sở thực hành theo quy định.

*( Có bản công bố, Kế hoạch hướng dẫn thực hành và nội dung thực hành kèm theo )*

Phòng khám đa khoa An Bình kính trình và trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu HCNS



**CAO VĂN QUYẾT**

## NỘI DUNG THỰC HÀNH CÁC CHỨC DANH

STT	STT Theo TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỨC DANH		
			Y sỹ	KTV	
				HA Y học	XN Y học
		<b>I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</b>			
		<b>A. Tuần Hoàn</b>			
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường $\leq 8$ giờ			
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x		
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục $\leq 8$ giờ	x		
4	6	Đặt Catheter tĩnh mạch ngoại biên			
5	10	Chăm sóc Catheter tĩnh mạch			
		<b>B. Hô Hấp</b>			
6	57	Thở oxy qua gọng kính ( $\leq 8$ giờ)	x		
7	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi ( $\leq 8$ giờ)	x		
8	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x		
9	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x		
10	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em			
11	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn			
		<b>C. Thận - Lọc Máu</b>			
12	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x		
13	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x		
14	164	Thông bàng quang	x		
15	165	Rửa bàng quang lấy máu cục			
16	233	Rửa bàng quang			
		<b>D. Tiêu Hóa</b>			
17	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa			
18	216	Đặt ống thông dạ dày	x		
19	218	Rửa dạ dày cấp cứu			
20	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín			
21	221	Thụt tháo	x		
22	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng			
23	339	Thụt tháo phân	x		
24	222	Thụt giữ	x		
25	223	Đặt ống thông hậu môn	x		
26	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)			
27	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu			
		<b>E. Toàn Thân</b>			
28	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x		
29	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x		
30	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch $\leq 8$ giờ	x		
31	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)			
32	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn			

33	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x		
34	275	Băng bó vết thương	x		
35	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x		
36	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x		
37	279.	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng			
		<b>G. Xét Nghiệm</b>			
38	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)			x
39	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm			x
40	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm			x
		<b>H. Thăm Dò Khác</b>			
41	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh		x	
		<b>II. NỘI KHOA</b>			
		<b>A. Hô Hấp</b>			
42	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x		
43	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm			
44	9	Chọc dò dịch màng phổi			
45	10	Chọc tháo dịch màng phổi			
46	11	Chọc hút khí màng phổi			
		<b>B. Tim Mạch</b>			
47	85	Điện tim thường	x		
48	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường		x	
		<b>C. Thần Kinh</b>			
49	128.	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)			
50	129.	Ghi điện não thường quy			
51	150	Hút đờm hầu họng			
52	164.	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường	x		
		<b>D. Thận Tiết Niệu</b>			
53	188	Đặt sonde bàng quang	x		
54	233	Rửa bàng quang			
		<b>Đ. Tiêu Hóa</b>			
55	244	Đặt ống thông dạ dày	x		
56	313	Rửa dạ dày cấp cứu			
57	314	Siêu âm ổ bụng			
58	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn			
59	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng			
60	339	Thụt tháo phân	x		
		<b>E. Cơ Xương Khớp</b>			
61	349	Hút dịch khớp gối	x		
62	361	Hút nang bao hoạt dịch	x		
63	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x		
		<b>III. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP</b>			
		<b>B Tai Mũi Họng</b>			
64	7	Nội soi Cầm máu Mũi			
65	8	Nội soi Mũi hầu họng có sinh thiết			

083  
 ĐNG  
 SP Y  
 AN B  
 HÃ M  
 LÝ

66	10	Nội soi thanh quản ống mềm chuẩn đoán			
67	13	Nội soi Tai Mũi Họng			
		<b>D Tiêu Hoá - Ổ Bụng</b>			
68	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x		
69	81	Nội soi đại tràng sigma	x		
70	82	Soi trực tràng	x		
		<b>IV. THĂM DÒ CHỨC NĂNG</b>			
71	4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)			
72	13	Nghiệm pháp dây thắt	x		
73	14	Điện tim thường	x		
74	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)			
75	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)			
76	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)			
77	40	Ghi điện não đồ thông thường			
78	101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm			
79	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA			
80	103	Đo cảm giác rung bàn chân bằng máy			
81	104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ			
82	105	Nghiệm pháp Atropin			
83	118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin			x
84	122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin			x
		<b>VIII. ĐIỆN QUANG</b>			
		<b>A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN</b>			
		<b>1. Siêu âm đầu, cổ</b>			
85	1	Siêu âm tuyến giáp		X	
86	2	Siêu âm các tuyến nước bọt		X	
87	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt		X	
88	4	Siêu âm hạch vùng cổ		X	
		<b>2. Siêu âm vùng ngực</b>			
89	11	Siêu âm màng phổi		X	
90	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)		X	
		<b>3. Siêu âm ổ bụng</b>			
91	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		X	
92	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)		X	
93	17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng		X	
94	18	Siêu âm tử cung phần phụ		X	
95	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		X	
96	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng		X	
97	22	Siêu âm Doppler gan lách		X	
98	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)		X	
99	24	Siêu âm Doppler động mạch thận		X	
100	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ		X	
101	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)		X	
102	27	Siêu âm 3D/4D khối u		X	

103	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi		X	
104	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới		X	
		<b>4. Siêu âm sản phụ khoa</b>			
105	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		X	
106	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo		X	
107	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng		X	
108	33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo		X	
109	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		X	
110	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		X	
111	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		X	
112	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung		X	
113	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu		X	
114	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa		X	
115	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối		X	
116	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi		X	
117	42	Siêu âm tầm soát dị vật thai nhi		X	
		<b>5. Siêu âm cơ xương khớp</b>			
118	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)		X	
119	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)		X	
		<b>6. Siêu âm tim, mạch máu</b>			
120	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới		X	
121	46	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch		X	
122	52	Siêu âm Doppler tim, van tim		X	
		<b>7. Siêu âm vú</b>			
123	54	Siêu âm tuyến vú hai bên		X	
124	55	Siêu âm Doppler tuyến vú		X	
		<b>8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam</b>			
125	57	Siêu tinh hoàn hai bên		X	
126	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên		X	
127	59	Siêu âm dương vật		X	
128	60	Siêu âm Doppler dương vật		X	
		<b>B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)</b>			
		<b>1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy</b>			
129	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng		x	
130	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến		x	
131	72	Chụp Xquang Blondeau		x	
132	73	Chụp Xquang Hirtz		x	
133	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên		x	
134	78	Chụp Xquang Schuller		x	
135	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm		x	
136	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng		x	
137	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên		x	
138	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2		x	

139	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo		x	
140	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng		x	
141	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên		x	
142	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng		x	
143	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng		x	
144	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên		x	
145	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng		x	
146	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo		x	
147	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng		x	
148	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo		x	
149	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng		x	
150	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng		x	
151	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo		x	
152	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)		x	
153	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng		x	
154	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo		x	
155	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo		x	
156	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên		x	
157	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng		x	
158	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng		x	
159	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo		x	
160	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè		x	
161	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng		x	
162	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo		x	
163	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo		x	
164	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng		x	
165	119	Chụp Xquang ngực thẳng		x	
166	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên		x	
167	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng		x	
		<b>VII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU</b>			
		<b>A. Xét Nghiệm Đông Máu</b>			
168	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke			x
169	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy			x
170	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)			x
171	22	Nghiệm pháp dây thắt			x
		<b>C. Tế Bào Học</b>			x
172	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)			x
173	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)			x
174	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)			x
		<b>D. Huyết Thanh Học Nhóm Máu</b>			x

175	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)			X
		<b>VIII. HÓA SINH</b>			X
		<b>A. Máu</b>			X
176	3	Định lượng Acid Uric			X
177	7	Định lượng Albumin			X
178	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)			X
179	10	Đo hoạt độ Amylase			X
180	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)			X
181	20	Đo hoạt độ AST (GOT)			X
182	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp			X
183	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp			X
184	27	Định lượng Bilirubin toàn phần			X
185	29	Định lượng Canxi toàn phần			X
186	41	Định lượng Cholesterol toàn phần			X
187	50	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)			X
188	51	Định lượng Creatinin			X
189	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)			X
190	75	Định lượng Glucose			X
191	76	Định lượng Globulin			X
192	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)			X
193	83	Định lượng HbA1c			X
194	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)			X
195	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)			X
196	133	Định lượng Protein toàn phần			X
197	142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)			X
198	143	Định lượng Sắt			X
199	158	Định lượng Triglycerid			X
200	166	Định lượng Urê			X
		<b>B. Nước Tiểu</b>			X
201	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)			X
202	175	Đo hoạt độ Amylase			X
203	176	Định lượng Axit Uric			X
204	180	Định lượng Canxi			X
205	184	Định lượng Creatinin			X
206	187	Định lượng Glucose			X
207	194	Định tính Morphine (test nhanh)			X
208	196	Định tính Heroin (test nhanh)			X
209	201	Định lượng Protein			X
210	205	Định lượng Ure			X
211	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)			X

Hà Nam, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Số: 01/BCB-AB

## KẾ HOẠCH

### Hướng dẫn thực hành với Y sỹ và Kỹ thuật viên

#### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư số 32/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ quyết định số 535/QĐ-SYT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Sở Y tế về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng khám đa khoa An Bình

Căn cứ giấy phép hoạt động số 00162/HNA-GPHĐ cấp ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Sở y tế Hà Nam về việc khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám đa khoa An Bình

Thực hiện công văn số 138/SYT-NVYD ngày 24/01/2024 của Sở y tế tỉnh Hà Nam về việc đôn đốc thực hiện Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP, Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

#### II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

##### 1. Mục tiêu:

- Đối với y sỹ: Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho y sỹ đa khoa theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT trong phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện được Sở y tế phê duyệt.

- Đối với kỹ thuật viên: Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho kỹ thuật viên theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT trong phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện được Sở y tế phê duyệt.

- Trong thời gian học thực hành chuyên môn phải được tập huấn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng 20 tiết (mỗi buổi 4 tiết)

##### 2. Yêu cầu:

- Người thực hành được khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát





của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và đảm bảo đủ thời gian thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2003/NĐ-CP
- Phân công người hướng dẫn thực hành phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn năng lực của người hướng dẫn thực hành

### **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:**

#### **1. Số lượng đối tượng thực hành đơn vị tiếp nhận trong năm**

- Y sĩ: 15 người
- Kỹ thuật y: 20 người

#### **2. Thời gian học thực hành tại các bộ phận**

- Y sĩ: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh y sĩ là 09 tháng trong đó:
  - + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 06 tháng tại các bộ phận khám bệnh tại phòng khám
  - + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về HSCC: 03 tháng tại các bộ phận HSCC
- Kỹ thuật y: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh Kỹ thuật y là 06 tháng trong đó:

- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 05 tháng
- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về HSCC: 01 tháng

#### **3. Danh sách NVYT tham gia hướng dẫn thực hành: Danh sách đính kèm**

#### **4. Nội dung hướng dẫn thực hành: Đính kèm**

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Hành chính – Nhân sự.**

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho người học thực hành.
- Tham mưu Giám đốc cấp giấy xác nhận thực hành sau khi người học thực hành kết thúc thời gian học thực hành.
- Tập huấn các nội dung liên quan đến quy chế chuyên môn.
- Lập danh sách NVYT tham gia hướng dẫn thực hành và phân công người

38319  
ĐNG  
P Y  
N B  
A N  
L Y -

hướng dẫn thực hành.

- Giới thiệu người học thực hành với các bộ phận, phòng và người hướng dẫn thực hành theo quyết định.

- Đầu mối tiếp nhận và hướng dẫn người học thực hành làm hồ sơ và tổng hợp danh sách người thực hành gửi Sở Y tế.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 tiết ( mỗi buổi 4 tiết ).

- Theo dõi chăm sóc người học thực hành tại các bộ phận.

## **2. Các bộ phận, phòng có liên quan**

- Tiếp nhận người hướng dẫn thực hành.

- Tạo điều kiện cho người thực hành hoàn thành nhiệm vụ và tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

## **3. Người hướng dẫn thực hành**

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của đơn vị.

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi và đánh giá, nhận xét kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

## **4. Người thực hành**

- Tuân thủ nội quy, quy chế cơ sở hướng dẫn thực hành của đơn vị.

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Người thực hành không được tự ý ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được hướng dẫn thực hành cho phép.

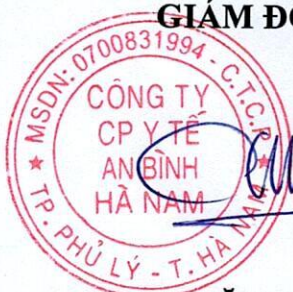
94  
TY  
TẾ  
KH  
M  
T. H. A

- Trên đây là kế hoạch hướng dẫn thực hành đối với các chức danh chuyên môn y tế của Phòng khám đa khoa An Bình, đề nghị các bộ phận nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế ( đề Báo cáo )
- Ban lãnh đạo phòng khám;
- Các bộ phận, phòng;
- Lưu HCNS

**GIÁM ĐỐC**



**CAO VĂN QUYẾT**

